

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-PT

Ngày 18-02-2025

V/v tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng
chuyển nhượng QSD đất và tranh
chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2024/TLPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST, ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2024/QĐ-PT, ngày 25 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Thanh V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của anh Trịnh Thanh V: Anh Trần Kiến Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Thạch Sô P, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Anh Thạch Trần Thê N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Hồng Thảo C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T, có đơn xin vắng mặt)

2. Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai huyện T, trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (Có đơn xin vắng mặt)

3. Văn phòng C1; Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt)

4. Anh Trần Văn K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

5. Bà Thạch Thị Mỹ H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện ủy quyền của bà Thạch Thị Mỹ H: Anh Thạch Trần Thế N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Thạch Sô P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Thanh V trình bày: Ngày 03/01/2023, anh có cho ông Thạch Sô P vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, ông Sô P có ký tên vào biên nhận mượn tiền cho anh. Ngày 04/01/2023, ông Sô P đồng ý lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa; tọa lạc ấp Đ, xã P cho anh, hợp đồng chuyển nhượng được lập tại Văn phòng C1 ngày 04/01/2023 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 415 ông Sô P giao cho anh V giữ).

Trong biên nhận nợ có thỏa thuận, trong vòng 02 tháng liên tục (kể từ ngày vay tiền) nếu ông Sô P không đóng lãi cho anh thì anh V được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Đ, xã P theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 04/01/2023. Hết thời hạn quy định trong biên nhận nợ, ông Sô P không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận, anh đã làm thủ tục sang tên diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 04/01/2023 được Văn phòng đăng ký đất đai chính trang tư qua tên cá nhân anh Trịnh Thanh V, nhưng đất ông Sô P không có giao cho anh canh tác. Trong thời gian vay tiền ông Sô P có đóng lãi cho anh V 06 tháng (từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/6/2023), với tổng số tiền 150.000.000 đồng.

Việc ông Sô P nài ra số tiền vay 500.000.000 đồng là của bà Phạm Hồng Thảo C, anh V không biết bà Phạm Hồng Thảo C và cũng không có giao dịch vay tiền với bà C, số tiền 500.000.000 đồng ông Sô P là người vay, ông Sô P đưa số tài

khoản cho anh V chuyển tiền cho ông Sô P, sau khi chuyển tiền xong ông Sô P mới ký tên vào biên nhận nợ cho anh V, còn số tiền ông Sô P vay cho bà C vay lại như thế nào thì anh V không biết, anh V không có nhận tiền đóng lãi của bà C như ông P trình bày.

Nay anh V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 415, diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P giữa anh Trịnh Thanh V với ông Thạch Sô P được xác lập vào ngày 04/01/2023, anh V đồng ý điều chỉnh trạng thái quyền sử dụng thửa đất số 415 lại cho ông Thạch Sô P.

2. Buộc ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H trả cho anh V tiền vốn vay bằng 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 04/6/2023 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

3. Anh Trịnh Thanh V không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh V với ông Sô P.

* *Người đại diện ủy quyền của ông Thạch Sô P trình bày:* Ông Thạch Sô P không có vay tiền của anh Trịnh Thanh V, số tiền trong biên nhận nợ ngày 03/01/2023 bằng 500.000.000 đồng do anh V cung cấp khi khởi kiện là ông Sô P có ký tên, còn tiền do bà Phạm Hồng Thảo C là người thỏa thuận vay và nhận tiền từ anh V, nội dung bà C với anh V thỏa thuận vay tiền từ thời gian nào và nhận tiền bằng bao nhiêu lần thì ông Sô P không biết, đến ngày 03/01/2023 bà C nhờ ông Sô P ký tên biên nhận nợ ghi ngày 03/01/2023 với số tiền vốn vay bằng 500.000.000 đồng giùm cho bà C, còn nội dung thỏa thuận ghi trong biên nhận nợ ngày 03/01/2023 ông Sô P có biết, ông Sô P khẳng định ông chỉ ký tên trong biên nhận nợ, còn tiền là bà C nhận từ anh V, ông Sô P không có đóng tiền lãi cho anh V mà do người vay là bà C là người trực tiếp đóng lãi cho anh V.

Ngày 04/01/2023, ông Sô P có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P cho anh V, hợp đồng lập tại Văn phòng C1, nội dung của hợp đồng là ông Sô P đồng ý chuyển nhượng thửa đất 415 cho anh V, ông Sô P trình bày mục đích ông Sô P ký hợp đồng chuyển nhượng này là để bảo đảm số tiền vốn vay 500.000.000 đồng của bà C vay của anh V tại biên nhận nợ ngày 03/01/2023.

Như vậy với thỏa thuận vay tiền nêu trên là của bà C vay của anh V, không liên quan đến ông Sô P, còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/01/2023 được lập tại Văn phòng Công chứng Võ Văn B là trái quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Sô P. Quá trình giải quyết hai bên thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/01/2023 và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 415 từ tên anh V sang tên ông Sô P, ông P đề nghị ghi nhận yêu cầu này, không cần phải làm đơn phản tố, hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Ông Thạch Sô P có yêu cầu:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 415, diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P giữa anh Trịnh Thanh V với ông Thạch Sô P được xác lập vào ngày 04/01/2023, đề nghị anh V ký tên điều chỉnh trang tư quyền sử dụng thửa đất số 415 lại cho ông Thạch Sô P.

2. Ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H không đồng ý trả tiền vốn vay bằng 500.000.000 đồng và tiền lãi như anh V yêu cầu.

3. Ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết hậu của của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh V với ông Sô P.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Văn phòng công chứng Võ Văn B trình bày:* Ngày 04/01/2023, anh Trịnh Thanh V cùng với ông Thạch Sô P có đến Văn phòng C1 để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 415, diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P. Nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sự tự nguyện giao kết giữa các bên. Giá giao kết khi chuyển nhượng đất do các bên thỏa thuận và có sự chứng kiến của công chứng viên Võ Văn B, toàn bộ nội dung là hợp pháp phù hợp với quy định của Luật Dân sự, Luật Công chứng và các văn bản có liên quan. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đúng trình tự quy định.

- *Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện T trình bày:* Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác nhận vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số H 952698 đối thửa đất số 415, diện tích 3.110m², tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P cho anh Trịnh Thanh V ngày 27/9/2023 là đúng quy định, qua ý kiến yêu cầu của các đương sự Chi nhánh Văn phòng không có ý kiến và xin vắng mặt không tham gia.

- *Bà Phạm Hồng Thảo C trình bày:* Bà không biết anh Trịnh Thanh V, bà chỉ biết ông Sô P là do bà có vay tiền của ông Thạch Sô P, bà không nhớ ngày, tháng, năm nào bà có vay của ông Sô P bằng 500.000.000 đồng, ông P có nói đem quyền sử dụng đất đi cầm cho người khác lấy tiền về cho bà vay lại, ông Sô P tính tiền cò nhờ cầm đất, tiền lãi sau đó ông Sô P chỉ đưa cho bà số tiền vốn bằng 450.000.000 đồng, không có viết biên nhận, lãi suất thỏa thuận một tháng bà đóng 25.000.000 đồng/500.000.000 đồng, tiền lãi bà đóng cho bà H (vợ ông P) bà không có đóng lãi cho anh V, tiền anh V khởi kiện ông P không liên quan đến bà, tiền bà nợ ông P bà với ông P giải quyết sau.

- *Người đại diện ủy quyền của bà Thạch Thị Mỹ H trình bày:* Bà H là vợ của ông Thạch Sô P, bà H thống nhất ý kiến trình bày và của yêu cầu của ông Sô P.

- *Anh Trần Văn K trình bày:* Anh là em rể của anh Trịnh Thanh V, anh có sử dụng sổ tài khoản B1, anh V không có xử dụng thẻ (tài khoản) và cũng không biết

chuyển khoản. Ngày 03/01/2023, anh V vay tiền ở ngân hàng, sau khi ngân hàng giải ngân anh V có hỏi anh nhờ tài khoản của anh nhận tiền gửi, cùng ngày anh V có cung cấp số tài khoản 02089999999888 và nhờ anh chuyển gửi số tiền 475.000.000 đồng vào tài khoản này, tiền là của anh V cho ông Thạch Sô P vay còn số tài khoản 02089999999888 là ông Sô P đưa cho anh V, anh chỉ là người chuyển tiền gửi cho anh V, tiền anh chuyển cũng là tiền của anh V, không phải tiền của anh, qua yêu cầu khởi kiện của anh V đối với ông Sô P anh không có ý kiến, để cho anh V giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 132/2024/DS-ST, ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 464, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Điều 83, 84, 86 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Thanh V.

2. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 04/01/2023 giữa anh Trịnh Thanh V với ông Thạch Sô P tại thửa đất số 415, diện tích 3.110m², tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Thạch Sô P có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai để điều chỉnh đăng ký biến động và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 415, diện tích 3.110m², tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H cùng có trách nhiệm trả cho anh Trịnh Thanh V tổng cộng bằng 628.364.000 đồng (Trong đó vốn vay 500.000.000 đồng, tiền lãi bằng 128.364.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, ông Thạch Sô P làm đơn kháng cáo không đồng ý trả cho anh V số tiền bằng bằng 628.364.000 đồng, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử hủy Bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST, ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thống nhất với bản án sơ thẩm đã xử; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thừa nhận có vay số tiền vốn 500.000.000 đồng của anh V, không đồng ý trả cho anh V số tiền vốn và lãi bằng 628.364.000 đồng. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử hủy

Bản án sơ thẩm số 134/2024/DS-ST, ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T do chưa xem xét toàn diện chứng cứ, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chất làm rõ số tiền vay. Giấy biên nhận nhận số tiền 500.000.000 đồng, tờ cam kết trả nợ, hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 415, diện tích 3.110m², tờ bản đồ số 10 được ông Thạch Sô P và người đại diện hợp pháp của ông Sô P thừa nhận là chữ ký của ông Sô P. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Sô P. Tuy nhiên về phần lãi suất buộc ông Sô P phải trả cho nguyên đơn, khi tính lãi của số tiền vay theo thỏa thuận 5% là vượt quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại phiên Tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý tính phần lãi đã nhận 06 tháng theo mức lãi suất 20%/năm nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần lãi xuất mà ông Sô P đã trả cho anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thạch Sô P làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; việc vắng mặt không liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Thạch Sô P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khi khởi kiện tại Tòa án, anh Trịnh Thanh V nộp kèm theo tài liệu, chứng cứ giấy tay biên nhận là ông Thạch Sô P có vay tiền của anh V số tiền vốn 500.000.000 đồng; tờ cam kết do ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H ký nhận có nợ anh V số tiền 500.000.000 đồng, tự nguyện thế chấp diện tích đất 3.110m² thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 3.110m², thửa đất số 415, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng lúa; tọa lạc ấp Đ, xã P cho anh V, hợp đồng chuyển nhượng được lập tại Văn phòng C1 ngày 04/01/2023 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 415 ông Sô P giao cho anh V giữ) (BL 21, 22, 23, 24, 25, 26). Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Sô P cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền, tờ cam kết và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do anh V cung cấp cho Tòa án sơ thẩm là

chữ ký và chữ viết của ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H. Tuy nhiên, ông Thạch Sô P cho rằng thực tế ông không có nhận tiền của anh V, mà do trước đó bà Phạm Hồng Thảo C là người đã vay và nhận tiền của anh V. Do đó ông Thạch Sô P không đồng ý giao trả lại số tiền vay 500.000.000 đồng và phần lãi phát sinh cho anh V.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho anh V không thừa nhận có việc quen biết và không thừa nhận có cho bà Phạm Hồng T1 Chi vay số tiền 500.000.000 đồng, số tiền vốn này anh V chỉ cho ông Thạch Sô P vay và yêu cầu ông Thạch Sô P phải trả.

[5] Đối với ông Thạch Sô P cũng như người đại diện hợp pháp của ông Thạch Sô P thừa nhận giấy tay vay tiền, tờ cam kết trả tiền, hợp đồng chuyển nhượng đất là chữ ký và chữ viết của ông Sô P nhưng không thừa nhận đã vay và nhận tiền của anh Trịnh Thanh V, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Bởi vì anh V là người cho vay anh khẳng định anh chỉ cho ông Thạch Sô P vay, không có cho bà C vay tiền. Bà Phạm Hồng Thảo C cũng không thừa nhận có vay tiền của anh V hay thừa nhận có nhờ ông Thạch Sô P vay của anh V số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, bà C thừa nhận chỉ vay và nhận tiền của ông Thạch Sô P với số tiền 500.000.000 đồng (Bút lục số 43). Tòa án cấp sơ thẩm cũng tiến hành đối chất, anh V có chuyển cho ông Thạch Sô P số tiền 475.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 theo chỉ định của ông Thạch Sô P. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Sô P là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên đối với phần lãi suất các bên thỏa thuận mức lãi suất 5%/tháng và anh V thừa nhận anh có nhận của ông Thạch Sô P 06 tháng lãi với số tiền 150.000.000 đồng. Do ông Thạch Sô P không thừa nhận vay của anh V số tiền 500.000.000 đồng nên ông không có tranh chấp về số tiền lãi. Mặc dù lãi suất do hai bên thỏa thuận là tự nguyện, nhưng mức lãi này cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là không vượt quá 20%/năm của khoản vay. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện tính lãi lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử tính lại mức lãi suất của số tiền vay 500.000.000 đồng, cụ thể:

Số tiền 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 20 tháng 14 ngày (từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2024) = 169.873.000 đồng.

Do ông Thạch Sô P đã trả số tiền lãi được anh V thừa nhận là 150.000.000 đồng nên ông P được trừ vào số tiền lãi phải chịu:

Số tiền lãi 169.873.000 đồng – 150.000.000 đồng = 19.873.000 đồng.

Tổng cộng ông Thạch Sô P bà Thạch Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền vốn và lãi là 519.873.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Sô P, sửa án sơ thẩm về khoản tiền lãi xuất và án phí mà ông Thạch Sô P bà Thạch Thị Mỹ H phải trả, phải chịu.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Thạch Sô P, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất là phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Sô P không được chấp nhận nên ông Thạch Sô P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Sô P.

Sửa bản án sơ thẩm 132/2024/DS-ST, ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho anh Trịnh Thanh V tổng số tiền vốn và lãi bằng 519.873.000 đồng (Trong đó tiền vốn 500.000.000 đồng, tiền lãi 19.873.000 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch Sô P và bà Thạch Thị Mỹ H phải chịu 23.586.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị, không bị sửa nên có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm: Ông Thạch Sô P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003092 ngày 30/9/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng